

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH DU LỊCH SINH THÁI CỦA DU KHÁCH TẠI VƯỜN QUỐC GIA U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

Trương Trí Thông^{1*}

¹Khoa Du lịch và Quản trị Khách sạn – Nhà hàng, Trường Đại học Nam Cần Thơ

* Email: tthongcantho@gmail.com

Ngày nhận bài: 25/09/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 28/10/2024

Ngày chấp nhận đăng: 04/11/2024

TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu này nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định du lịch sinh thái của du khách nội địa tại Vườn Quốc gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Dữ liệu được thu thập từ 157 du khách nội địa bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện và phát triển mầm. Các phương pháp định lượng được sử dụng để phân tích dữ liệu bao gồm phương pháp thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố khám phá, phân tích tương quan và phân tích hồi quy tuyến tính bội. Kết quả nghiên cứu cho thấy có bốn nhân tố ảnh hưởng đến ý định du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia U Minh Thượng của du khách nội địa bao gồm: hình ảnh điểm đến du lịch sinh thái, thái độ của khách du lịch đối với điểm đến du lịch sinh thái, sở thích du lịch sinh thái và động cơ du lịch sinh thái. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp thông tin quan trọng cho ngành du lịch địa phương và các bên liên quan hiểu được nhu cầu, ý định của du khách khi đến với Vườn Quốc gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Từ khóa: du lịch sinh thái, Kiên Giang, Vườn Quốc gia U Minh Thượng, ý định du lịch.

FACTORS INFLUENCING THE ECOTOURISM INTENTION OF TOURISTS AT U MINH THUONG NATIONAL PARK, KIEN GIANG PROVINCE

ABSTRACT

The purpose of this study is to analyze the factors influencing the ecotourism intention of domestic tourists at U Minh Thuong National Park, Kien Giang Province. Data were collected from 157 domestic tourists using convenience and snowball sampling methods. The quantitative methods were used to analyze data, including descriptive statistics, scale reliability analysis, exploratory factor analysis, correlation analysis, and multiple linear regression analysis. The findings reveal four key factors that influence domestic tourists' ecotourism intention at U Minh Thuong National Park: ecotourism destination image, tourists' attitude toward ecotourism destination, ecotourism interest, and ecotourism motivation. The research results contribute to providing important information for local tourism authorities and stakeholders to understand the needs and intentions of tourists when visiting U Minh Thuong National Park, Kien Giang Province.

Keywords: ecotourism, Kien Giang, tourism intention, U Minh Thuong National Park.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch sinh thái (DLST) là một trong những loại hình du lịch phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam. Các điểm DLST thường phát triển tại các vườn quốc gia (VQG), khu dự trữ sinh quyển hoặc khu bảo tồn thiên nhiên nơi có hệ sinh thái phong phú, đa dạng và văn hóa bản địa đặc trưng. VQG U Minh Thượng là một trong những điểm DLST hấp dẫn tại tỉnh Kiên Giang với các sản phẩm DLST như tham quan cảnh quan thiên nhiên, tham quan rừng tràm nguyên sinh, rừng tràm tái sinh trên đất than bùn, tham quan hệ sinh thái đầm lầy đất ngập nước; tham quan cảnh quan thiên nhiên kết hợp quan sát động vật hoang dã; tham quan săn chim, máng dơi; du lịch nghiên cứu; câu cá giải trí. Ngoài ra, một số sản vật văn hóa bản địa cũng được khai thác phục vụ du khách như tranh vỏ tràm, mật ong rừng, khô cá sặc rằn, mắm cá lưởi trâu,... Hơn thế nữa, VQG U Minh Thượng được công nhận là Vườn di sản ASEAN và Khu bảo tồn đất ngập nước (khu Ramsar) đặc biệt quan trọng của Việt Nam và thế giới. Tuy nhiên, lượng khách du lịch đến VQG U Minh Thượng còn khá khiêm tốn, cụ thể trong năm 2023, VQG tiếp đón chưa đến 30.000 lượt khách, chỉ đạt 63% kế hoạch năm, doanh thu ước đạt 3 tỉ đồng (Phuong Anh, 2024). Số lượng khách du lịch đến VQG U Minh Thượng chưa tương xứng với tiềm năng du lịch hiện có. Vì thế, để tạo được sự chủ động, sẵn sàng tiếp đón, phục vụ và nắm bắt được nhu cầu DLST của du khách tại VQG U Minh Thượng, cũng như có giải pháp thực thi cụ thể, hiệu quả nhằm nâng cao ý định du lịch của du khách, cần thiết phải có những nghiên cứu về ý định du lịch của du khách tại VQG U Minh Thượng.

Đến nay đã có nhiều nghiên cứu thực nghiệm tại VQG U Minh Thượng, tuy nhiên, nghiên cứu về DLST còn hạn chế. Qua khảo cứu tài liệu, tác giả đã tìm thấy một nghiên cứu liên quan đến DLST ở VQG U Minh Thượng của Lê Ngọc Danh và cs. (2022) phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách đối với dịch vụ DLST ở VQG U Minh Thượng. Thế nhưng, nghiên cứu này tập trung vào đánh giá chất lượng

dịch vụ và sự hài lòng của du khách chứ không nghiên cứu về ý định DLST của du khách tại VQG U Minh Thượng. Như vậy, nhìn chung, vấn đề ý định DLST ở VQG U Minh Thượng vẫn còn là khoảng trống cả về lí luận lẫn thực tiễn cần được lấp đầy trong thời điểm hiện tại. Xuất phát từ khoảng trống đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định DLST của khách du lịch nội địa đối với VQG U Minh Thượng, từ đó đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm gia tăng ý định DLST của du khách tại điểm đến VQG U Minh Thượng trong thời gian tới.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Ý định du lịch là dự định của một cá nhân đến một địa điểm du lịch trong tương lai (Trương Trí Thông & Nguyễn Thanh Tùng, 2021). Quá trình lựa chọn và ra quyết định là hành vi cuối của ý định. Do đó, ý định là dấu hiệu quan trọng dẫn đến quá trình ra quyết định của con người, đây cũng được xem là dấu hiệu quan trọng để nhận biết được hành vi của du khách trong quá trình mua và sử dụng sản phẩm hoặc dịch vụ. Đối với nghiên cứu về DLST, ý định DLST được định nghĩa là dự định của du khách hoặc sự chuẩn bị, lên kế hoạch của du khách đến tham quan một điểm đến DLST nào đó trong tương lai gần.

Hình ảnh điểm đến là sự thể hiện của tất cả những kiến thức, ấn tượng, định kiến và cảm xúc của một cá nhân hoặc một nhóm người đối với đối tượng hay một địa điểm cụ thể (Nguyễn Thị Bình & Lê Thuý Hằng, 2022), nó ảnh hưởng lớn đến quá trình ra quyết định của du khách bao gồm cả ý định và quyết định. Đối với nghiên cứu này về DLST, hình ảnh điểm đến DLST là sự nhìn nhận, nhận thức của du khách đối với điểm đến DLST liên quan đến các thuộc tính về nền chính trị, khí hậu, môi trường, cảnh quan, vẻ đẹp, sự thu hút/hấp dẫn của điểm đến, đặc biệt còn liên quan đến môi trường xanh, môi trường sinh thái không bị phá hoại, hướng đến du lịch NetZero. Khi du khách có hình ảnh tích cực về một địa điểm, khả năng họ đến thăm địa điểm đó sẽ tăng lên (Pham & Khanh, 2021). Nghiên cứu của Regan và cs.

(2012) cho thấy, hình ảnh điểm đến du lịch có ảnh hưởng tích cực đến ý định du lịch theo nhóm đến các sự kiện lớn. Ngoài ra, nghiên cứu thực nghiệm của Suhud và cs. (2021) cũng chỉ ra rằng hình ảnh điểm đến có ảnh hưởng đến ý định du lịch của du khách đối với đảo Belitung, Indonesia. Đối với loại hình DLST, theo kết quả nghiên cứu của Pham & Khanh (2021), hình ảnh điểm đến có ảnh hưởng tích cực đến ý định DLST của du khách. Từ đó, giả thuyết H1 được đề xuất:

H1: Hình ảnh điểm đến có mối quan hệ cùng chiều và tác động tích cực đến ý định DLST tại VQG U Minh Thượng của du khách nội địa.

Động cơ là một trong những nguyên nhân dẫn đến hành vi của con người. Theo Li & Cai (2012), động cơ là một định hướng hoặc một trạng thái nhu cầu thúc đẩy các cá nhân hướng tới các loại hành động có khả năng thỏa mãn những nhu cầu đó. Động cơ DLST được hiểu là những điều thúc đẩy du khách đến thăm một điểm đến DLST cụ thể nhằm thỏa mãn một nhu cầu nào đó như thư giãn, giải trí, giao lưu, học hỏi,... Một số kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy, động cơ du lịch có ảnh hưởng tích cực đến ý định du lịch của du khách (Regan và cs., 2012; Chung và cs., 2021; Nguyen và cs., 2021). Vậy động cơ DLST có ảnh hưởng đến ý định DLST hay không và ảnh hưởng như thế nào đến ý định DLST của du khách ở VQG U Minh Thượng? Giả thuyết H2 được đề xuất:

H2: Động cơ du lịch có mối quan hệ cùng chiều và tác động tích cực đến ý định DLST tại VQG U Minh Thượng của du khách nội địa.

Thái độ của khách du lịch là nhân tố dự báo hiệu quả về ý định và hành vi lựa chọn sản phẩm, dịch vụ của du khách. Trong nghiên cứu này, thái độ của du khách đối với điểm đến DLST được hiểu là thái độ tích cực của du khách khi đến tham quan một điểm đến DLST thể hiện qua sở thích, sự thích thú và niềm vui,... Thái độ của cá nhân đối với DLST được coi là một trong những tiền đề quan trọng nhất của ý định đến thăm các điểm đến DLST hoặc tham gia vào các hoạt động DLST (Lai & Nepal, 2006). Nếu thái độ của du khách đối với điểm đến DLST tích cực thì

họ càng có ý định đến tham quan và du lịch ở đó nhiều hơn. Điều này đã được chứng minh trong lý thuyết “Hành vi có kế hoạch” (Theory of Plan Behavior). Theo nghiên cứu của Duong và cs. (2022), thái độ có ảnh hưởng tích cực đến ý định du lịch của du khách tại Việt Nam. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Lu và cs. (2016) cho thấy thái độ DLST có ảnh hưởng tích cực đến ý định DLST. Qua đó, giả thuyết H3 được đề xuất:

H3: Thái độ của du khách đối với điểm đến DLST có mối quan hệ cùng chiều và tác động tích cực đến ý định DLST tại VQG U Minh Thượng của du khách nội địa.

Sở thích du lịch là xu hướng tăng cường tham gia vào các hoạt động khám phá và trải nghiệm mới mẻ, thường được du khách đặc biệt quan tâm và kỳ vọng trong suốt hành trình du lịch (Pizam và cs., 2004). Sở thích DLST là niềm vui, sự phấn khởi của du khách khi được tham gia vào các hoạt động tại điểm đến DLST như tham quan, chụp ảnh, tìm hiểu về môi trường tự nhiên... Việc khám phá vai trò của sở thích DLST trong nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng nhằm làm rõ mối quan hệ giữa sở thích và ý định tham gia DLST của du khách. Kết quả nghiên cứu của Lu và cs. (2016) cho thấy sở thích DLST không ảnh hưởng đến ý định DLST. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của Mohsin và cs. (2017) về ý định du lịch của sinh viên Thái Lan cho thấy sở thích du lịch có ảnh hưởng đến ý định du lịch. Vậy sở thích DLST có ảnh hưởng đến ý định DLST tại VQG U Minh Thượng của du khách nội địa hay không? Do đó, giả thuyết H4 được đề xuất:

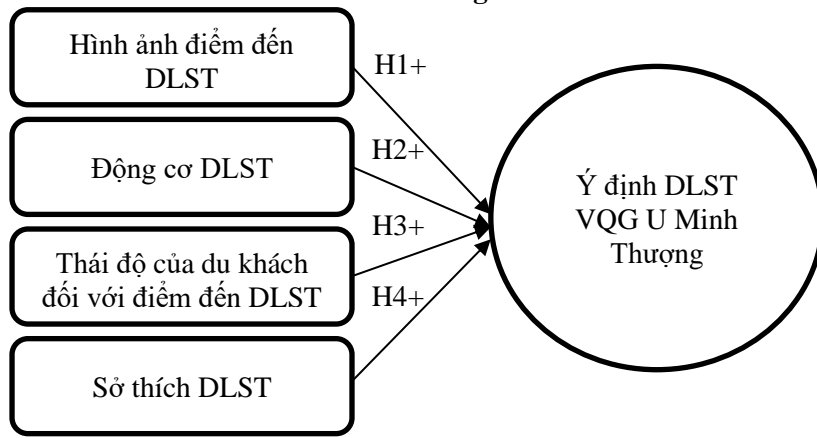
H4: Sở thích DLST có mối quan hệ cùng chiều và tác động tích cực đến ý định DLST tại VQG U Minh Thượng của du khách nội địa.

Các nhân tố và biến quan sát được kế thừa và điều chỉnh từ các nghiên cứu liên quan đến DLST. Trong đó, nhân tố hình ảnh điểm đến DLST với 05 biến quan sát được kế thừa từ nghiên cứu của Pham & Khanh (2021), tuy nhiên DI2 có sự điều chỉnh từ “nền chính trị ổn định” thành “môi trường du lịch an toàn” để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu, 04 biến quan sát thuộc nhân tố động cơ DLST được kế thừa từ nghiên cứu của Rahmafritria &

Kaswanto (2024), nhân tố thái độ DLST với 03 biến quan sát được kế thừa từ nghiên cứu của Thi Khanh & Phong (2020), 03 biến quan sát của nhân tố sở thích DLST được kế thừa từ Lu và cs. (2014), cuối cùng nhân tố phụ thuộc ý định DLST được kế thừa từ 03 biến quan sát của Pham & Khanh (2021) và 01 biến quan sát từ nghiên cứu của Chi & Pham (2024) để nói lên đầy đủ hàm ý của ý định DLST mà tác giả hướng đến. Cụ thể các nhân tố và biến quan sát của nghiên cứu được thể

hiện ở Bảng 1. Dựa vào mô hình các nhân tố và biến quan sát, nghiên cứu đã thiết kế bảng câu hỏi thành hai phần: phần 1 bao gồm các câu hỏi liên quan đến đặc điểm nhân khẩu học của đáp viên (giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp) và phần 2 bao gồm các câu hỏi liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến ý định DLST tại VQG U Minh Thượng của du khách, các biến quan sát được đánh giá bằng thang đo Likert 5 mức độ, từ 1 là rất không đồng ý đến 5 là rất đồng ý.

Hình 1. Mô hình nghiên cứu



(Nguồn: Nhóm nghiên cứu đề xuất)

Bảng 1. Các nhân tố và biến quan sát của nghiên cứu

Nhân tố	Biến quan sát	Nguồn
Hình ảnh điểm đến DLST (DI)	DI1: VQG U Minh Thượng có khí hậu tốt	Pham & Khanh (2021)
	DI2: VQG U Minh Thượng có môi trường du lịch an toàn	
	DI3: VQG U Minh Thượng có phong cảnh đẹp	
	DI4: VQG U Minh Thượng có danh tiếng tốt	
	DI5: Môi trường thiên nhiên ở VQG U Minh Thượng không bị ô nhiễm/không bị phá hoại	
Động cơ DLST (TM)	TM1: Tôi đến thăm VQG U Minh Thượng để thư giãn	Rahmafritria & Kaswanto (2024)
	TM2: Tôi đến thăm VQG U Minh Thượng để giải tỏa căng thẳng, cải thiện sức khỏe	
	TM3: Tôi đến thăm VQG U Minh Thượng để giao lưu với bạn bè	
	TM4: Tôi đến thăm VQG U Minh Thượng để có trải nghiệm ngoài trời	
Thái độ du khách (EA)	EA1: Tôi cảm thấy thoải mái khi đi DLST tại VQG U Minh Thượng	Thi Khanh & Phong (2020)
	EA2: Tôi cảm thấy vui khi đi DLST tại VQG U Minh Thượng	
	EA3: Tôi thích đi DLST tại VQG U Minh Thượng	

Nhân tố	Biến quan sát	Nguồn
Sở thích DLST (EI)	EI1: Tôi thích thiên nhiên hoang dã và nguyên sơ ở VQG U Minh Thượng	Lu và cs. (2016)
	EI2: Tôi thích tìm hiểu về thiên nhiên ở VQG U Minh Thượng	
	EI3: Tôi thích chụp ảnh phong cảnh và động vật hoang dã ở VQG U Minh Thượng	
Ý định DLST (TI)	TI1: Tôi sẽ chọn VQG U Minh Thượng làm điểm đến DLST của mình	Pham & Khanh (2021)
	TI2: Tôi dự định sẽ đến thăm điểm đến DLST VQG U Minh Thượng trong tương lai gần	
	TI3: Tôi nghĩ đi DLST tại VQG U Minh Thượng là đúng	
	TI4: Tôi sẽ cân nhắc mua tour DLST ở VQG U Minh Thượng trong tương lai gần	Chi & Khanh (2024)

(Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp)

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng bảng câu hỏi mã hoá trên Google Form để thu thập dữ liệu sơ cấp. Công cụ này hỗ trợ tốt trong việc thu thập dữ liệu nghiên cứu đối với ý định du lịch và được nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước sử dụng. Đối tượng khảo sát là du khách nội địa tại Việt Nam. Phương pháp chọn mẫu thuận tiện và phát triển mầm được sử dụng để thu thập dữ liệu. Thời gian thu thập dữ liệu từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2024, kết quả thu được 157 quan sát. Theo Williams và cs. (2010), nghiên cứu cần cỡ mẫu từ 100 quan sát trở lên khi thực hiện phân tích nhân tố khám phá và hồi quy tuyến tính. Do đó, $n=157$ quan sát là phù hợp và đủ điều kiện. Tất cả 157 quan sát được mã hóa bằng phần mềm SPSS 25.0. Các kỹ thuật phân tích dữ liệu được sử dụng bao gồm: Thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố khám phá, phân tích tương quan và phân tích hồi quy tuyến tính bội.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Khái quát mẫu nghiên cứu

Trong tổng số 157 quan sát mà nghiên cứu thu thập được, du khách nữ chiếm tỉ lệ nhiều hơn du khách nam (chiếm 58,6%). Đa số du khách được khảo sát thuộc độ tuổi từ 18 đến 29 tuổi (39,5%), kế đến là độ tuổi từ 30 đến 41 tuổi (33,1%), độ tuổi từ 42 đến 53 tuổi chiếm 18,5% và cuối cùng là độ tuổi du khách trên 53 tuổi chiếm tỉ lệ thấp với 8,9%. Đối tượng được khảo sát đa số có trình độ học vấn

cao, trong đó có trên 80% là du khách thuộc trình độ từ trung cấp trở lên, trình độ THPT trở xuống có tỉ lệ thấp (10,2%). Nghề nghiệp của đối tượng khảo sát làm ở nhiều ngành nghề khác nhau, trong đó kinh doanh, buôn bán là đa số (chiếm 30,6%), kế đến là công nhân, nhân viên chiếm 29,9%; cán bộ, công chức, viên chức chiếm 17,2%; học sinh, sinh viên chiếm 10,2%; một số đáp viên cũng làm ở công việc khác (12,1%), chủ yếu là lao động tự do.

3.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định du lịch sinh thái của du khách nội địa tại Vườn Quốc gia U Minh Thượng

Bảng 2. Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo

Nhân tố	Cronbach's α	Hệ số tương quan biến-tổng hiệu chỉnh
Hình ảnh điểm đến DLST (DI)	0,688	0,328 \rightarrow 0,505
Động cơ DLST (TM)	0,877	0,571 \rightarrow 0,851
Thái độ của du khách đối với điểm đến DLST (EA)	0,848	0,633 \rightarrow 0,786
Sở thích DLST (EI)	0,793	0,600 \rightarrow 0,673
Ý định DLST (TI)	0,737	0,409 \rightarrow 0,639

(Nguồn: Kết quả phân tích năm 2024)

Đầu tiên, nghiên cứu sử dụng phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo, sau đó đưa vào phân tích nhân tố khám phá. Sau khi đánh giá 04 nhân tố độc lập và nhân tố phụ thuộc, tất cả đều có hệ số Cronbach's Alpha > 0,6 (chấp nhận và sử dụng được). 15 biến quan sát của 04 nhân tố độc lập và 03 biến quan sát của nhân tố phụ thuộc đều có hệ số tương quan biến-tổng hiệu chỉnh > 0,3 (chấp nhận và được đưa vào phân tích tiếp theo). Kết quả Bảng 2 chỉ ra rằng, 15 biến quan sát thuộc nhân tố độc lập và 03 biến quan sát nhân tố phụ thuộc là đáng tin cậy và đủ điều kiện để phân tích các bước tiếp theo trong nhân tố khám phá và hồi quy tuyến tính bội.

Trong phân tích nhân tố khám phá (EFA) đối với 4 nhân tố độc lập với 15 biến quan sát, có một biến (DI2) bị loại bỏ do hệ số tải nhân tố thấp hơn 0,5 – không đạt mức chấp nhận được. Sau khi loại bỏ biến này, phân tích nhân tố được thực hiện lại lần thứ hai. Kết quả lần này cho thấy 14 biến còn lại đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5, cho thấy mức độ phù hợp cao. Chỉ số KMO đạt 0,816 – nằm trong ngưỡng chấp nhận được, và giá trị kiểm định Bartlett's Test (Sig.) là 0,000 (< 0,05), cho thấy dữ liệu đủ điều kiện để thực hiện phân tích nhân tố.

Sử dụng phương pháp trích và xoay nhân tố, 4 nhân tố được trích xuất từ 14 biến quan sát, với tổng phương sai trích được là 69,086% (> 50%), nghĩa là 4 nhân tố này giải thích được 69,086% mức độ biến thiên trong dữ liệu. Các biến quan sát phân nhóm rõ ràng, không bị xáo trộn so với cấu trúc ban đầu, bao gồm: (1) Động cơ du lịch sinh thái, (2) Thái độ của du khách đối với điểm đến DLST, (3) Sở thích DLST và (4) Hình ảnh điểm đến DLST (Bảng 3).

Đối với nhân tố phụ thuộc (Ý định du lịch sinh thái), kết quả phân tích cho thấy chỉ số KMO là 0,751 và giá trị Sig. = 0,000 (< 0,05), cho thấy dữ liệu đạt yêu cầu phân tích nhân tố. Phân tích đã trích xuất được 1 nhân tố từ 3 biến quan sát, với tổng phương sai trích được là 79,004% – đáp ứng tiêu chuẩn thống kê. Ba biến quan sát hội tụ tốt và hình thành một nhân tố phụ thuộc duy nhất là "Ý định DLST", đúng như mô hình lí thuyết ban đầu.

Từ kết quả này, 4 nhân tố độc lập và 1 nhân tố phụ thuộc được đưa vào mô hình hồi quy tuyến tính bội để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định du lịch sinh thái của du khách nội địa tại VQG U Minh Thượng.

Bảng 3. Ma trận nhân tố

Biến quan sát	Nhân tố			
	Động cơ DLST	Thái độ đối với điểm đến DLST	Sở thích DLST	Hình ảnh điểm đến DLST
TM4	0,904			
TM3	0,882			
TM1	0,847			
TM2	0,619			
EA2		0,888		
EA3		0,875		
EA1		0,750		
EI3			0,821	
EI2			0,784	
EI1			0,737	
DI1				0,732
DI4				0,686
DI3				0,684
DI5				0,646

TI=Ý định DLST, DI=Hình ảnh điểm đến DLST, TM=Động cơ DLST, EA=Thái độ DLST, EI=Sở thích DLST

(Nguồn: Kết quả phân tích năm 2024)

Bảng 4. Kết quả phân tích tương quan Pearson

	TI	DI	TM	EA	EI
TI	1				
DI	r = 0,613** Sig. (2-tailed) = 0,000	1			
TM	r = 0,559** Sig. (2-tailed) = 0,000		1		
EA	r = 0,586** Sig. (2-tailed) = 0,000			1	
EI	r = 0,621** Sig. (2-tailed) = 0,000				1

(Nguồn: Kết quả phân tích năm 2024)

Kết quả phân tích tương quan Pearson trình bày trong Bảng 4 cho thấy rằng tất cả các nhân tố độc lập (TM, EA, EI, DI) đều có giá trị Sig. nhỏ hơn 0,05. Điều này chứng tỏ tồn tại mối quan hệ tuyến tính có ý nghĩa thống kê giữa từng nhân tố độc lập với nhân tố phụ thuộc TI. Trong đó, nhân tố DI có mức độ tương quan mạnh nhất với TI, với hệ số $r=0,613$ và nhân tố TM có tương quan yếu nhất với TI, với hệ số $r=0,559$. Vì vậy, tất cả các nhân tố độc lập đều được đưa vào phân tích hồi quy tuyến tính bội.

Bảng 5. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội

Tên biến	Hệ số ước lượng	Sig.	VIF
Hằng số	0,049		
Hình ảnh điểm đến DLST (DI)***	0,312	0,000	1,288
Động cơ DLST (TM)***	0,210	0,000	1,299
Thái độ của du khách đối với điểm đến DLST (EA)***	0,247	0,000	1,296
Sở thích DLST (EI)***	0,245	0,000	1,410
Hệ số R ² hiệu chỉnh		0,666	
Hệ số Durbin-Watson		2,047	
Hệ số ý nghĩa (Sig.F)		0,000	

(Nguồn: Kết quả phân tích năm 2024)

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính bội để xác định mức độ ảnh hưởng mạnh, yếu của từng nhân tố đến ý định DLST ở VQG U Minh Thượng. Kết quả phân tích tại Bảng 5 cho thấy các điều kiện đều thỏa mãn yêu cầu bao gồm: R² hiệu chỉnh = 0,666; Sig.= 0,000; Giá trị Durbin – Watson = 2,047 (mô hình không vi phạm hiện tượng tự tương quan); hệ số VIF < 10 (không có hiện tượng đa cộng tuyến). Kết quả phân tích R² hiệu chỉnh = 0,666, có nghĩa 66,6% sự biến thiên ý định DLST ở VQG U Minh Thượng được giải thích bởi các nhân tố trong mô hình. Từ kết quả phân tích cho thấy, ý định DLST ở VQG U Minh Thượng của du khách nội địa phụ thuộc vào các nhân tố theo thứ tự giảm dần: hình ảnh điểm đến DLST, thái độ của du khách đối với điểm đến DLST, sở thích DLST và động cơ

DLST. Phương trình hồi quy tuyến tính bội được thể hiện như sau: $TI = 0,049 + 0,312DI + 0,247EA + 0,245EI + 0,210TM + u_i$. Trong đó, TI là nhân tố phụ thuộc (ý định DLST), u_i là sai số trong mô hình.

4.2. Thảo luận

Qua phân tích hồi quy tuyến tính bội, các nhân tố ban đầu được đưa vào mô hình nghiên cứu đều có tác động đến nhân tố phụ thuộc (ý định DLST). Do đó, các giả thuyết ban đầu của mô hình nghiên cứu từ H1 đến H4 đều được chấp nhận, không có giả thuyết nào bị bác bỏ.

Nhân tố hình ảnh điểm đến DLST (DI) có mối quan hệ cùng chiều và tác động tích cực đến ý định DLST của du khách nội địa tại VQG U Minh Thượng với hệ số Beta = 0,312. Kết quả nghiên cứu một lần nữa khẳng định hình ảnh điểm đến có ảnh hưởng đến ý định du lịch nói chung của du khách giống với kết quả của Regan và cs. (2012) và Suhud và cs. (2021); đồng thời, kết quả nghiên cứu này ủng hộ kết quả nghiên cứu của Pham & Khanh (2021) khi phân tích hình ảnh điểm đến DLST có ảnh hưởng tích cực đến ý định DLST của du khách. VQG U Minh Thượng là Vườn di sản ASEAN và Khu bảo tồn đất ngập nước Ramsar, do đó, đây là điểm DLST nổi tiếng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Kiên Giang nói riêng. Nơi đây được bao phủ bởi những tán rừng tràm và một số loài thực vật khác, vì thế phong cảnh thiên nhiên đẹp, khí hậu mát mẻ và trong lành, là điều kiện tốt để du khách thực hiện hoạt động DLST. Đồng thời, tình hình chính trị ở VQG U Minh Thượng ổn định, môi trường du lịch an toàn, thường xuyên có các cán bộ bảo vệ rừng tuần tra, giám sát nên rừng ở cả vùng đệm và vùng lõi chưa bị phá hoại. Vì thế, đây là nhân tố có tác động mạnh nhất đối với ý định DLST của du khách nội địa tại VQG U Minh Thượng, các bên liên quan trong ngành du lịch địa phương cần chú ý đến vấn đề này.

Nhân tố thái độ của du khách đối với điểm đến DLST (EA) có mối quan hệ cùng chiều và tác động tích cực đến ý định DLST của du khách nội địa tại VQG U Minh Thượng với hệ số Beta = 0,247. Đây là nhân tố có tác động mạnh thứ hai trong bốn nhân tố. Thái độ của du khách là nhân tố được nhiều nghiên cứu thực nghiệm khám phá ra có ảnh hưởng đến ý định

du lịch của du khách. Kết quả này giống với kết quả nghiên cứu của Duong và cs. (2022) khi nhóm tác giả này phát hiện rằng, thái độ có ảnh hưởng tích cực đến ý định du lịch của du khách nội địa. Ngoài ra, kết quả cũng ủng hộ kết quả nghiên cứu của Lu và cs. (2016) khi nhân tố thái độ DLST có ảnh hưởng tích cực đến ý định DLST của du khách. Kết quả nghiên cứu này cho thấy, du khách có thái độ tích cực, họ cảm thấy thoải mái, vui vẻ và niềm yêu thích đối với điểm DLST ở VQG U Minh Thượng.

Nhân tố sở thích DLST (EI) có mối quan hệ cùng chiều và tác động tích cực đến ý định DLST của du khách nội địa tại VQG U Minh Thượng với hệ số Beta = 0,245. Sở thích là một nhân tố thuộc về cá nhân của du khách, những du khách có sở thích tìm về thiên nhiên hoang dã, thực hiện các hoạt động liên quan đến môi trường tự nhiên như học tập, tìm hiểu, khám phá, trải nghiệm tự nhiên,... thường sẽ lựa chọn DLST tại các vườn VQG, khu bảo tồn thiên nhiên hoặc khu DLST hoang dã khác. Do đó, để tăng ý định DLST cần thiết phải khơi gợi niềm đam mê, sở thích của du khách bằng nhiều hình thức khác nhau. Trong kết quả nghiên cứu đã cho thấy, khách du lịch có sở thích tìm về thiên nhiên hoang dã và nguyên sơ ở VQG U Minh Thượng, đồng thời, tìm hiểu thiên nhiên, chụp ảnh phong cảnh và động vật nơi đây. Do đó, các bên liên quan trong ngành du lịch địa phương cần chú ý đến điều này để gia tăng ý định DLST của du khách tại VQG U Minh Thượng. Kết quả nghiên cứu này trái ngược với kết quả nghiên cứu của Lu và cs. (2016) khi nhóm tác giả này phát hiện rằng sở thích DLST không ảnh hưởng đến ý định DLST. Vì thế, đây cũng là kết quả có ý nghĩa quan trọng trong đóng góp cơ sở lý thuyết về hành vi của của du khách DLST.

Nhân tố động cơ DLST (TM) có mối quan hệ cùng chiều và tác động tích cực đến ý định DLST của du khách nội địa tại VQG U Minh Thượng với hệ số Beta = 0,210. Đây là nhân tố có sức ảnh hưởng yếu nhất trong bốn nhân tố. Việc lựa chọn điểm đến DLST, điểm du lịch ngoài trời, gần gũi với thiên nhiên để thư giãn, giải tỏa căng thẳng, cải thiện sức khỏe cũng như có nhiều trải nghiệm mới đang là xu hướng du lịch của du khách trong thời gian gần đây, nhất là sau đại dịch COVID-19, vì vậy, đây là một

trong những động cơ DLST của du khách. Ngoài ra, khi tham gia vào hoạt động DLST, du khách còn mong muốn giao lưu, kết nối với bạn bè tại địa phương hoặc từ những du khách khác có cùng động cơ, sở thích. Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Regan và cs. (2012), Chung và cs., (2021), Nguyen và cs. (2021) khi khám phá ra động cơ du lịch có ảnh hưởng đến ý định du lịch của du khách. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu này cũng đóng góp vào điểm mới khi khám phá mối quan hệ giữa động cơ DLST với ý định DLST tại VQG cụ thể ở Việt Nam.

4.3. Khuyến nghị

Để nâng cao ý định DLST của du khách nội địa đối với VQG U Minh Thượng các bên liên quan trong ngành du lịch và địa phương cần:

Thứ nhất, đối với nhân tố hình ảnh điểm đến DLST: Các bên liên quan trong ngành du lịch địa phương, nhất là Ban Quản lý VQG U Minh Thượng, Phòng Văn hoá – Thông tin huyện U Minh Thượng, Sở Du lịch Kiên Giang cần quảng bá hình ảnh điểm đến DLST VQG U Minh Thượng với các thông tin quan trọng liên quan đến đa dạng sinh học, các chứng nhận Vườn di sản ASEAN và Khu bảo tồn đất ngập nước Ramsar để gia tăng danh tiếng của điểm đến đối với du khách. Bên cạnh đó, cần duy trì cảnh quan thiên nhiên, quản lý chặt chẽ công tác bảo vệ sinh thái VQG, tránh làm tổn hại đến phong cảnh, giá trị cảnh quan của VQG, cấm các hoạt động chặt phá rừng, đốt rừng, săn bắt động vật hoang dã, quản lý tình trạng xả rác,...; đồng thời, cần duy trì tình hình chính trị tại điểm đến DLST, đảm bảo không xảy ra tình trạng móc túi, trộm cướp,...

Thứ hai, đối với nhân tố thái độ của du khách đối với điểm đến DLST: Cần truyền thông, tuyên truyền về ý nghĩa, lợi ích và hoạt động của DLST tại VQG U Minh Thượng trên các trang thông tin truyền thông, nhất là trang mạng xã hội nhằm khơi gợi sự thích thú, có thái độ tích cực đối với hoạt động DLST; tăng cường các hoạt động giáo dục sinh thái và DLST trong chương trình đào tạo, tập huấn tại các trường học. Từ đó, giúp nâng cao ý định và hành vi DLST ở VQG U Minh Thượng trong thời gian tới.

Thứ ba, đối với nhân tố sở thích DLST: Ban

Quản lý VQG U Minh Thượng cần tìm hiểu sở thích DLST của du khách đối với VQG U Minh Thượng. Theo kết quả nghiên cứu này, du khách mong muốn và có sở thích phong cảnh thiên nhiên hoang dã và hoang sơ tại VQG, do đó, cần có biện pháp bảo vệ môi trường hệ sinh thái nơi đây, nghiên cứu thực thi các hoạt động du lịch thân thiện với môi trường, ngăn chặn các tác nhân gây hại đến hệ sinh thái VQG U Minh Thượng. Bên cạnh đó, Phòng DLST và Giáo dục Môi trường thuộc Vườn quốc gia U Minh Thượng cần tích cực tuyên truyền, giới thiệu cho du khách về thiên nhiên, sinh thái nơi đây. Hiện nay, du khách chủ yếu được giới thiệu về VQG tại Phòng trưng bày chứ chưa được tham gia các hoạt động hướng dẫn tìm hiểu thực tế, cụ thể ở VQG.

Thứ tư, đối với nhân tố động cơ DLST: Cần khảo sát nhu cầu, động cơ DLST tại VQG U Minh Thượng của du khách thường xuyên để đáp ứng các sản phẩm, dịch vụ một cách tốt nhất, chẳng hạn như gia tăng các hoạt động trải nghiệm DLST ngoài trời (hoạt động gác kèo ong, trekking rừng, tìm hiểu các loài động vật, thực vật rừng ngập nước...), duy trì bầu không khí trong lành, phát triển theo mô hình DLST bền vững và hành vi thân thiện với môi trường để du khách có thể thư giãn, giải tỏa căng thẳng và cải thiện sức khỏe sau thời gian học tập, làm việc. Đồng thời, tăng cường các hoạt động giao lưu, kết nối giữa du khách với người dân địa phương.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu ý định du lịch của du khách có ý nghĩa quan trọng trong việc dự đoán được khả năng mua hoặc tiêu dùng sản phẩm du lịch của du khách trong tương lai, từ đó, các nhà quản lý và kinh doanh du lịch có thể chuẩn bị điều kiện tiếp đón hoặc củng cố, cải thiện các yếu tố liên quan nhằm thu hút du khách. Do đó, nghiên cứu đã thực hiện phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định du lịch của du khách, mà cụ thể là ý định DLST tại VQG U Minh Thượng, Kiên Giang. Mô hình nghiên cứu đã đề xuất bốn nhân tố (hình ảnh điểm đến DLST, động cơ DLST, thái độ của du khách đối với điểm đến DLST, sở thích DLST) với bốn giả thuyết đều có tác động tích cực đến ý định DLST của du khách nội địa tại VQG U Minh Thượng. Qua phân tích bảng kỹ thuật hồi quy tuyến tính bội cho thấy tất

cả bốn nhân tố ban đầu đều ảnh hưởng đến ý định DLST của du khách nội địa tại VQG U Minh Thượng theo thứ tự giảm dần là hình ảnh điểm đến DLST, thái độ của du khách đối với điểm đến DLST, sở thích DLST và động cơ DLST. Các nhân tố này chiếm 66,6% sự tác động đến ý định DLST của du khách, còn 33,4% là các nhân tố khác. Nhìn chung, tất cả bốn giả thuyết đều được chấp nhận.

Đến thời điểm hiện tại, qua lược khảo tài liệu cho thấy nghiên cứu này có thể nói là nghiên cứu đầu tiên về ý định DLST đối với VQG U Minh Thượng. Do đó, kết quả nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng cả về thực tiễn và lý luận. Đối với thực tiễn, nghiên cứu cung cấp thêm thông tin quan trọng về hành vi của du khách đối với DLST tại VQG U Minh Thượng, cụ thể là ý định du lịch của họ – một dự báo quan trọng trong quá trình ra quyết định của du khách. Qua đó, các bên liên quan trong phát triển DLST tại VQG U Minh Thượng nắm được thông tin để có những phương hướng, giải pháp cụ thể nhằm gia tăng ý định DLST của du khách trong thời gian tới. Đồng thời, nghiên cứu cũng có đóng góp quan trọng vào cơ sở lý thuyết về hành vi khách du lịch và DLST, nhất là bổ sung vào nguồn tài liệu về ý định DLST của du khách tại VQG, cụ thể là VQG U Minh Thượng. Bên cạnh đó, nghiên cứu đã bổ sung thêm mô hình, các nhân tố và tiêu chí nghiên cứu về ý định DLST tại VQG tại Việt Nam bao gồm hình ảnh điểm đến DLST, động cơ DLST, thái độ của du khách đối với điểm đến DLST và sở thích DLST, qua đó các nghiên cứu liên quan có thể tham khảo.

Mặc dù nghiên cứu có đóng góp quan trọng về mặt lý luận lẫn thực tiễn, song nghiên cứu cũng không tránh khỏi một số hạn chế nhất định. Đầu tiên, nghiên cứu chỉ thực hiện khảo sát đối với khách du lịch nội địa, thiếu đi ý kiến của khách du lịch quốc tế. Vì vậy, nghiên cứu tương lai có thể bổ sung thêm khảo sát khách du lịch quốc tế đối với DLST tại VQG U Minh Thượng. Thứ hai, nghiên cứu chỉ thực hiện phân tích dựa trên mô hình nhân quả (nhân tố độc lập và nhân tố phụ thuộc), do đó trong hướng nghiên cứu tiếp theo có thể bổ sung thêm các biến trung gian hoặc điều tiết để phân tích ý định DLST ở VQG U Minh Thượng. Cuối cùng, nghiên cứu hỗn hợp có thể làm tăng thêm sự phong phú về phương pháp nghiên cứu cũng như kết quả về ý định DLST.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chi, N. T. K., & Pham, H. (2024). The moderating role of eco-destination image in the travel motivations and ecotourism intention nexus. *Journal of Tourism Futures*, 10(2), 317–333.
- Chung, J. Y., Lee, C. K., & Park, Y. N. (2021). Trust in social non-pharmaceutical interventions and travel intention during a pandemic. *Journal of Vacation Marketing*, 27(4), 437–448.
- Duong, L. H., Phan, Q. D., Nguyen, T. T., Huynh, D. V., Truong, T. T., & Duong, K. Q. (2022). Understanding tourists' behavioral intention and destination support in post-pandemic recovery: The case of the Vietnamese domestic market. *Sustainability*, 14(16), 9969.
- Lai, P. H., & Nepal, S. K. (2006). Local perspectives of ecotourism development in Tawushan Nature Reserve, Taiwan. *Tourism Management*, 27(6), 1117–1129.
- Lê Ngọc Danh, Trần Mạnh Hoàng, Huỳnh Khởi Triết, Lê Hoàng Nam & Từ Phước Nguyên. (2022). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách du lịch đối với dịch vụ du lịch sinh thái vườn quốc gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Kinh tế và Quản trị Kinh doanh*, 20, 43–51.
- Li, M., & Cai, L. A. (2012). The effects of personal values on travel motivation and behavioral intention. *Journal of Travel Research*, 51(4), 473–487.
- Lu, A. C. C., Gursoy, D., & Del Chiappa, G. (2016). The influence of materialism on ecotourism attitudes and behaviors. *Journal of Travel Research*, 55(2), 176–189.
- Mohsin, A., Lengler, J., & Chaiya, P. (2017). Does travel interest mediate between motives and intention to travel? A case of young Asian travellers. *Journal of Hospitality and Tourism Management*, 31, 36–44.
- Nguyen, V. H., Truong, T. X. D., Pham, H. T., Tran, D. T., & Nguyen, P. H. (2021). Travel intention to visit tourism destinations: A perspective of generation Z in Vietnam. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 8(2), 1043–1053.
- Nguyễn Thị Bình & Lã Thuý Hường. (2022). Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn điểm đến Bến Tre của khách du lịch nội địa. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 19(1), 174–185.
- Pham, H. S. T., & Khanh, C. N. T. (2021). Ecotourism intention: the roles of environmental concern, time perspective and destination image. *Tourism Review*, 76(5), 1141–1153.
- Phuong Anh. (2024). *Kiên Giang: Vườn Quốc gia U Minh Thượng – đầu tư hạ tầng để phát triển du lịch sinh thái*. Truy cập ngày 07/9/2024, từ <https://nongthon.vietnamtourism.gov.vn/kien-giang-vuon-quoc-gia-u-minh-thuong-dau-tu-ha-tang-de-phat-trien-du-lich-sinh-thai/>
- Pizam, A., Jeong, G. H., Reichel, A., van Boemmel, H., Lusson, J. M., Steynberg, L., State-Costache, O., Volo, S., Kroesbahcer, C., Kucerova, J. & Montmany, N. (2004). The relationship between risk-taking, sensation-seeking, and the tourist behavior of young adults: A cross-cultural study. *Journal of Travel Research*, 42(3), 251–260.
- Rahmafritria, F., & Kaswanto, R. L. (2024). The role of eco-attraction in the intention to conduct low-carbon actions: a study of visitor behavior in urban forests. *International Journal of Tourism Cities*, 10(3), 881–904.
- Regan, N., Carlson, J., & Rosenberger III, P. J. (2012). Factors affecting group-oriented travel intention to major events. *Journal of Travel & Tourism Marketing*, 29(2), 185–204.
- Suhud, U., Mamoon, A., & Willson, G. (2021). The relationship between push-pull motivation, destination image, and stage of visit intention: the case of Belitung Island. *International journal of hospitality and tourism systems*, 14(1), 9.
- Thi Khanh, C. N., & Phong, L. T. (2020). Impact of environmental belief and nature-based destination image on ecotourism attitude. *Journal of Hospitality and Tourism Insights*, 3(4), 489–505.
- Trương Trí Thông & Nguyễn Thanh Tùng. (2021). Nhân tố ảnh hưởng đến ý định du lịch đảo Phú Quốc tỉnh Kiên Giang của du khách nội địa trong bối cảnh COVID-19. *Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển Kinh tế Trường Đại học Tây Đô*, số 13, 15–31.
- Williams, B., Onsmann, A., & Brown, T. (2010). Exploratory factor analysis: A five-step guide for novices. *Australasian journal of paramedicine*, 8, 1–13.